

Số: ~~137~~ /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày ~~18~~ tháng ~~6~~ năm 2025

### TỜ TRÌNH

Về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ  
theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ  
thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2025 - 2026 của tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 308/TTr-SNV ngày 29/5/2025, UBND tỉnh đề trình HĐND tỉnh quyết định số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên là: **3.612** hợp đồng lao động, với tổng kinh phí dự kiến là **327.863.395.278** đồng/12 tháng (tối đa từ tháng 9/2025 đến 31/8/2026), cụ thể như sau:

#### I. Sự cần thiết

Theo tổng hợp từ các cơ quan, đơn vị, địa phương, năm học 2025 - 2026, tỉnh Thái Nguyên còn thiếu **5.240** biên chế sự nghiệp giáo dục theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trong đó biên chế giáo viên thiếu **3.245** người; biên chế nhân viên thiếu **1.995** người), cụ thể như sau:

- Cấp học Mầm non: thiếu 1.425 biên chế sự nghiệp giáo dục (trong đó biên chế giáo viên thiếu 1.135 người; biên chế nhân viên thiếu 290 người).

- Cấp học Tiểu học: thiếu 1.386 biên chế sự nghiệp giáo dục (trong đó biên chế giáo viên thiếu 646 người; biên chế nhân viên thiếu 740 người).

- Cấp học THCS: thiếu 1.863 biên chế sự nghiệp giáo dục (trong đó biên chế giáo viên thiếu 1.042 người; biên chế nhân viên thiếu 821 người).

- Cấp học THPT: thiếu 566 biên chế sự nghiệp giáo dục (trong đó biên chế giáo viên thiếu 422 người; biên chế nhân viên thiếu 144 người).

Việc thiếu biên chế sự nghiệp giáo dục sẽ ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập trong nhà trường.

Mặt khác, tại điểm c khoản 2 Công điện số 61/CD-TTg ngày 10/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, bảo đảm biên chế giáo viên mầm non, phổ thông và nghỉ hè cho trẻ em, học sinh năm 2025, trong các nội dung giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nội dung: “...*tập trung triển khai thực hiện: ký hợp đồng giảng dạy để kịp thời bổ sung số lượng giáo viên còn thiếu theo quy định*”.

Đồng thời, tại Công văn số 1033/BNV-TCBC ngày 05/4/2025 của Bộ Nội vụ<sup>1</sup> có nêu: “*Đối với việc ký kết hợp đồng giáo viên, Bộ Nội vụ đã có ý kiến trả lời tại Văn bản số 4692/BNV-TCBC ngày 21/8/2023 về thực hiện Công điện số 747/CD-TTg ngày 16/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ...*”. Trong đó, tại khoản 3 Văn bản số 4692/BNV-TCBC ngày 21/8/2023 của Bộ Nội vụ có nêu: “*Trường hợp số biên chế giáo viên được giao (bao gồm số hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) trong các trường mầm non, phổ thông công lập chưa đủ theo định mức quy định, để bảo đảm nguyên tắc “**có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp**”, căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định số biên chế giáo viên còn thiếu so với định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đó trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng giáo viên ký kết hợp đồng lao động không quá 70% số biên chế giáo viên còn thiếu nêu trên*”.

## II. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

- Công văn số 1033/BNV-TCBC ngày 05/4/2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

<sup>1</sup> về việc hướng dẫn một số nội dung theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ

### III. Quá trình thực hiện

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát nhu cầu giao hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2025 - 2026; Sở Tài chính đã có ý kiến về kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2025 - 2026, theo đó: *“về nguồn kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Căn cứ khả năng ngân sách, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt dự toán ngân sách năm 2025 tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/12/2024, trong đó bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2025”*.

Ngày 22/5/2025, Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên tổ chức hội nghị phản biện đối với dự thảo Nghị quyết giao số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị quyết số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026 của tỉnh Thái Nguyên; Sở Nội vụ đã tiếp thu và hoàn thiện theo quy định.

Ngày 12/6/2025, UBND tỉnh đã thảo luận, thông qua nội dung trên tại Phiên họp thứ 45 (Thông báo số 97/TB-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh).

### IV. Kết quả thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024 - 2025

#### 1.1. Đối với cấp học mầm non

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2024 - 2025 là: 1.002 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/4/2025 là: 742 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 260 hợp đồng. *Lý do:* địa phương không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức. Số lượng hợp đồng còn lại, các cơ quan, đơn vị sẽ tiếp tục thực hiện đến hết tháng 8/2025.

#### 1.2. Đối với cấp học tiểu học

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2024 - 2025 là: 1.113 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/4/2025 là: 611 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 502 hợp đồng. *Lý do:* địa phương không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức. Số lượng hợp đồng còn lại, các cơ quan, đơn vị sẽ tiếp tục thực hiện đến hết tháng 8/2025.



### 1.3. Đối với cấp học trung học cơ sở

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2024 - 2025 là: 1.257 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/4/2025 là: 862 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 395 hợp đồng. *Lý do:* địa phương không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức. Số lượng hợp đồng còn lại, các cơ quan, đơn vị sẽ tiếp tục thực hiện đến hết tháng 8/2025.

### 1.4. Đối với cấp học trung học phổ thông

a) Số lượng hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm học 2024 - 2025 là: 338 hợp đồng.

b) Số thực hiện đến thời điểm 01/4/2025 là: 219 hợp đồng.

c) Số chưa thực hiện: 119 hợp đồng. *Lý do:* các trường không có nguồn nhân lực để tuyển hoặc có những trường hợp đang hợp đồng, đăng ký thi đã trúng tuyển vào biên chế viên chức. Số lượng hợp đồng còn lại, các cơ quan, đơn vị sẽ tiếp tục thực hiện đến hết tháng 8/2025.

### 1.5. Đánh giá chung

a) Ưu điểm:

Sau hai năm học thực hiện ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ đã mang lại hiệu quả tích cực, giúp giảm áp lực thiếu giáo viên và nhân viên tại các trường học, giảm tình trạng quá tải về trường lớp, học sinh cấp học mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.

b) Hạn chế:

- Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập chưa tuyển dụng đủ số lao động hợp đồng được cấp có thẩm quyền giao, do một số địa phương thiếu nguồn tuyển<sup>2</sup>, đặc biệt là ở các địa phương có khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Mặc dù hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được hưởng các chế độ, chính sách như viên chức, tuy nhiên quy định thời hạn hợp đồng không quá 12 tháng khiến người lao động chưa yên tâm công tác. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc chưa thu hút được nguồn nhân lực tham gia ký hợp đồng lao động.

<sup>2</sup> Cụ thể: thành phố Phố Yên, thành phố Sông Công, thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Bình, huyện Đồng Hỷ.

**V. Đề nghị thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2025 - 2026**

Tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định, đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục được ký kết hợp đồng lao động có thời gian không quá 12 tháng để làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (không bao gồm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý).

Tổng số biên chế sự nghiệp giáo dục năm 2025 được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương là 20.557 biên chế, trong đó số biên chế giao đối với giáo viên và nhân viên cụ thể như sau<sup>3</sup>:

**1.1. Đối với cấp học mầm non**

a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025 là: 5.614 biên chế. Số biên chế đã thực hiện đến thời điểm 01/4/2025 là: 5.366 biên chế.

b) Nhu cầu biên chế năm học 2025 - 2026 theo định mức quy định là: 7.039 biên chế; còn thiếu: 1.425 biên chế (trong đó có 1.135 giáo viên<sup>4</sup> và 290 nhân viên<sup>5</sup>).

c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: 981 hợp đồng (784 giáo viên; 197 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: 90.356.929.920 đồng/12 tháng.

**1.2. Đối với cấp học tiểu học**

a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025 là: 6.169 biên chế. Số biên chế đã thực hiện đến thời điểm 01/4/2025 là: 5.796 biên chế.

---

<sup>3</sup> Tổng số biên chế giáo viên và nhân viên được giao năm 2025 là 18.608 biên chế; số biên chế sự nghiệp giáo dục còn lại (không tính để giao hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) bao gồm: số lãnh đạo, quản lý các trường là: 1.674 biên chế (631 trường, bình quân mỗi trường 2 - 3 lãnh đạo, quản lý); 29 biên chế thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để giao cho trường Trường Phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao); Trường Cao đẳng Thái Nguyên 246 biên chế (không bao gồm 32 biên chế Trường Mầm non thực hành) ( $18.608 + 1.674 + 29 + 246 = 20.557$ ).

<sup>4</sup> Số biên chế giáo viên cấp học mầm non được giao năm 2025 là 5.168; số biên chế giáo viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 6.303 (số biên chế còn thiếu:  $6.303 - 5.168 = 1.135$ ).

<sup>5</sup> Số biên chế nhân viên cấp học mầm non được giao năm 2025 là 446; số biên chế nhân viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 736 (số biên chế còn thiếu  $736 - 446 = 290$ ).

b) Nhu cầu biên chế năm học 2025 - 2026 theo định mức quy định là: 7.555 biên chế; còn thiếu: 1.386 biên chế (trong đó có 646 giáo viên<sup>6</sup> và 740 nhân viên<sup>7</sup>).

c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: 952 hợp đồng (449 giáo viên; 503 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: 86.716.852.540 đồng/12 tháng.

### **1.3. Đối với cấp học trung học cơ sở**

a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025 là: 4.687 biên chế. Số biên chế đã thực hiện đến thời điểm 01/4/2025 là: 4.449 biên chế.

b) Nhu cầu biên chế năm học 2025 - 2026 theo định mức quy định là: 6.550 biên chế; còn thiếu: 1.863 biên chế (trong đó có 1.042 giáo viên<sup>8</sup> và 821 nhân viên<sup>9</sup>).

c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: 1.294 hợp đồng (727 giáo viên; 567 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: 120.487.953.753 đồng/12 tháng.

### **1.4. Đối với cấp học trung học phổ thông**

a) Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025 là: 2.138 biên chế. Số biên chế có mặt đến thời điểm 01/4/2025 là: 2.115 biên chế.

b) Nhu cầu biên chế năm học 2025 - 2026 theo định mức quy định là: 2.704 biên chế; còn thiếu: 566 biên chế (trong đó có 422 giáo viên<sup>10</sup> và 144 nhân viên<sup>11</sup>).

c) Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đề nghị giao (*không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao với số lượng theo định mức*) là: 385 hợp đồng (290 giáo viên; 95 nhân viên).

d) Dự kiến kinh phí thực hiện là: 30.301.659.065 đồng/12 tháng.

(*Có dự thảo Nghị quyết và phụ lục chi tiết kèm theo*).

<sup>6</sup> Số biên chế giáo viên cấp học tiểu học được giao năm 2025 là 5.522; số biên chế giáo viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 6.168 (số biên chế còn thiếu: 6.168 - 5.522 = 646).

<sup>7</sup> Số biên chế nhân viên cấp học tiểu học được giao năm 2025 là 647; số biên chế nhân viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 1.387 (số biên chế còn thiếu 1.387 - 647 = 740).

<sup>8</sup> Số biên chế giáo viên cấp học THCS được giao năm 2025 là 4.017; số biên chế giáo viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 5.059 (số biên chế còn thiếu: 5.059 - 4.017 = 1.042).

<sup>9</sup> Số biên chế nhân viên cấp học THCS được giao năm 2025 là 670; số biên chế nhân viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 1.491 (số biên chế còn thiếu 1.491 - 670 = 821).

<sup>10</sup> Số biên chế giáo viên cấp học THPT được giao năm 2025 là 1.979; số biên chế giáo viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 2.401 (số biên chế còn thiếu: 2.401 - 1.979 = 422).

<sup>11</sup> Số biên chế nhân viên cấp học THPT được giao năm 2025 là 159; số biên chế nhân viên tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 303 (số biên chế còn thiếu 303 - 159 = 144).

Trân trọng đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH.

Huân 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Linh**



BIỂU SỐ 1

**TỔNG HỢP NHU CẦU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026 (ĐỐI VỚI CẤP HỌC MẦM NON)**



(Kèm theo tờ trình số: 18 /TTr-UBND ngày 18 /6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2025 - 2026									Số biên chế được giao, biên chế đã thực hiện, biên chế tính theo định mức năm học 2025 - 2026									Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Ghi chú
		Tổng số trường	Tổng số nhóm/ lớp	Tổng số học sinh	Trong đó						Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025			Số biên chế tính theo định mức			Số biên chế còn thiếu theo định mức						
					Từ 3 tháng - 12 tháng hoặc từ 3 - 4 tuổi		Từ 13 tháng - 24 tháng hoặc từ 4 - 5 tuổi		Từ 25 tháng - 36 tháng hoặc từ 5 - 6 tuổi		Tổng số			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Số nhóm/ lớp	Số học sinh	Số nhóm/ lớp	Số học sinh	Số nhóm/ lớp	Số học sinh		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên	
	TỔNG SỐ	213	2.757	70.718	661	15.368	736	19.225	1.360	36.125	5.614	5.168	446	7.039	6.303	736	1.425	1.135	290	981	784	197	
1	UBND thành phố Thái Nguyên	44	526	14.582	132	3.244	136	3.945	258	7.393	1.107	1.019	88	1.382	1.227	155	275	208	67	190	145	45	
2	UBND thành phố Phổ Yên	24	395	10.546	101	2.310	101	2.804	193	5.432	773	701	72	992	896	96	219	195	24	153	136	17	
3	UBND thành phố Sông Công	14	148	3.629	37	793	39	960	72	1.876	291	265	26	384	338	46	93	73	20	64	51	13	
4	UBND huyện Phú Lương	17	219	5.553	56	1.315	63	1.586	100	2.652	448	414	34	550	492	58	102	78	24	70	54	16	
5	UBND huyện Phú Bình	20	368	9.779	90	2.045	99	2.613	179	5.121	731	691	40	907	838	69	176	147	29	122	102	20	
6	UBND huyện Đại Từ	33	416	11.185	93	2.395	119	3.142	204	5.648	854	790	64	1.085	953	132	231	163	68	161	114	47	
7	UBND huyện Đồng Hỷ	17	226	5.472	56	1.241	54	1.395	116	2.836	448	412	36	568	512	56	120	100	20	84	70	14	
8	UBND huyện Định Hóa	23	233	5.377	54	1.105	60	1.435	119	2.837	478	433	45	612	532	80	134	99	35	93	69	24	
9	UBND huyện Võ Nhai	20	212	4.226	39	845	62	1.255	111	2.126	453	414	39	524	484	40	71	70	1	42	42	-	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	2	24	-	-	-	-	2	24	2	2	-	4	4	-	2	2	-	1	1	-	
11	Trường Cao đẳng Thái Nguyên	1	12	345	3	75	3	90	6	180	29	27	2	31	27	4	2	-	2	1		1	



BIỂU SỐ 2

TỔNG HỢP NHU CẦU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ  
THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026  
(ĐỐI VỚI CẤP HỌC TIỂU HỌC)



(Kèm theo Tờ trình số: 137 /TTr-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2025 - 2026												Số biên chế được giao, biên chế đã thực hiện, biên chế tính theo định mức năm học 2025 - 2026									Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Ghi chú	
		Tổng số trường	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số lớp học 2 buổi/ngày	Tổng số học sinh học 2 buổi/ngày	Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025			Số biên chế tính theo định mức			Số biên chế còn thiếu theo định mức						
			Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh			Tổng số	Giáo viên	Nhân viên	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
																			Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên	Giáo viên	Nhân viên		
TỔNG SỐ		199	811	23.613	771	22.169	807	23.783	746	21.894	819	25.038	3.954	116.497	6.169	5.522	647	7.555	6.168	1.387	1.386	646	740	952	449	503	
1	UBND thành phố Thái Nguyên	39	170	5.850	170	5.652	173	5.849	163	5.418	184	6.299	860	29.068	1.290	1.164	126	1.625	1.338	287	335	174	161	233	121	112	
2	UBND thành phố Phổ Yên	27	116	3.615	107	3.394	115	3.768	105	3.388	109	3.719	552	17.884	825	707	118	1.054	855	199	229	148	81	159	103	56	
3	UBND thành phố Sông Công	11	43	1.371	41	1.283	44	1.306	37	1.139	46	1.461	211	6.560	307	279	28	408	330	78	101	51	50	64	35	29	
4	UBND huyện Phú Lương	20	70	1.856	64	1.807	67	1.845	64	1.863	71	2.087	336	9.458	538	494	44	656	524	132	118	30	88	82	21	61	
5	UBND huyện Phú Bình	21	100	3.143	93	2.871	97	3.070	89	2.720	102	3.198	481	15.002	723	662	61	915	755	160	192	93	99	134	65	69	
6	UBND huyện Đại Từ	23	109	3.294	96	2.858	107	3.250	97	2.959	110	3.466	519	15.827	813	699	114	978	811	167	165	112	53	115	78	37	
7	UBND huyện Đồng Hỷ	20	66	1.615	69	1.591	69	1.747	65	1.616	66	1.705	335	8.274	550	496	54	640	522	118	90	26	64	62	18	44	
8	UBND huyện Định Hóa	20	66	1.563	61	1.474	63	1.632	62	1.569	62	1.714	314	7.952	546	485	61	635	495	140	89	10	79	62	7	55	
9	UBND huyện Võ Nhai	18	69	1.282	67	1.211	70	1.293	61	1.184	67	1.363	334	6.333	561	520	41	617	520	97	56	0	56	34	0	34	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo		2	24	3	28	2	23	3	38	2	26	12	139	16	16	0	27	18	9	11	2	9	7	1	6	

BIỂU SỐ 3

**TỔNG HỢP NHU CẦU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ  
THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026  
(ĐỐI VỚI CẤP HỌC TRUNG HỌC CƠ SỞ)**

(Kèm theo Tờ trình số: **187** /TTr-UBND ngày **18** /6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2025 - 2026											Số biên chế được giao, biên chế đã thực hiện, biên chế tính theo định mức năm học 2025 - 2026									Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Ghi chú
		Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025			Số biên chế tính theo định mức			Số biên chế còn thiếu theo định mức						
					Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Tổng số			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
														Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên	
	TỔNG SỐ	190	2.547	99.377	638	24.897	641	24.965	695	27.567	573	21.948	4.687	4.017	670	6.550	5.059	1.491	1.863	1.042	821	1.294	727	567	
1	UBND thành phố Thái Nguyên	36	614	25.519	151	6.276	151	6.184	170	7.179	142	5.880	1.080	940	140	1.489	1.202	287	409	262	147	285	183	102	
2	UBND thành phố Phổ Yên	17	339	14.552	87	3.598	86	3.723	92	4.055	74	3.176	541	469	72	801	661	140	260	192	68	182	134	48	
3	UBND thành phố Sông Công	8	137	5.642	32	1.289	35	1.413	38	1.636	32	1.304	232	208	24	337	271	66	105	63	42	69	44	25	
4	UBND huyện Phú Lương	16	212	7.881	56	2.042	53	1.941	56	2.158	47	1.740	411	363	48	553	422	131	142	59	83	99	41	58	
5	UBND huyện Phú Bình	20	317	12.566	79	3.181	81	3.232	91	3.606	66	2.547	532	478	54	789	630	159	257	152	105	178	105	73	
6	UBND huyện Đại Từ	32	354	13.106	88	3.315	91	3.316	96	3.620	79	2.855	675	547	128	951	695	256	276	148	128	192	103	89	
7	UBND huyện Đồng Hỷ	16	197	7.399	49	1.894	50	1.929	53	1.957	45	1.619	358	325	33	513	400	113	155	75	80	109	53	56	
8	UBND huyện Định Hóa	24	207	6.955	53	1.802	51	1.787	55	1.852	48	1.514	443	353	90	611	419	192	168	66	102	117	46	71	
9	UBND huyện Võ Nhai	21	165	5.658	42	1.481	41	1.404	43	1.481	39	1.292	397	324	73	479	348	131	82	24	58	57	17	40	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo		5	99	1	19	2	36	1	23	1	21	18	10	8	27	11	16	9	1	8	6	1	5	



BIỂU SỐ 4

TỔNG HỢP NHU CẦU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ  
THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026  
(ĐỐI VỚI CẤP HỌC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG)



(Kèm theo Tờ trình số: *B7* /TTr-UBND ngày *18* /6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2025 - 2026									Số biên chế được giao, biên chế đã thực hiện, biên chế tính theo định mức năm học 2025 - 2026									Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/ND-CP			Ghi chú
		Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025			Số biên chế tính theo định mức			Số biên chế còn thiếu theo định mức						
					Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Tổng số			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
												Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên	
	TỔNG SỐ	40	1.051	45.305	367	16.072	349	15.221	335	14.012	2.138	1.979	159	2.704	2.401	303	566	422	144	385	290	95	
1	UBND thành phố Thái Nguyên	1	14	590	8	360	3	130	3	100	20	20	-	32	32	-	12	12	-	8	8	-	
2	UBND thành phố Phổ Yên	1	19	784	10	350	4	212	5	222	18	17	1	49	43	6	31	26	5	21	18	3	
3	UBND huyện Phú Lương	1	16	714	8	360	4	189	4	165	17	14	3	43	36	7	26	22	4	17	15	2	
4	UBND huyện Phú Bình	1	20	860	7	315	7	312	6	233	24	22	2	47	45	2	23	23	-	14	14	-	
5	UBND huyện Đại Từ	1	21	931	8	360	7	325	6	246	32	32	-	47	47	-	15	15	-	10	10	-	
6	UBND huyện Võ Nhai	1	8	283	3	135	3	108	2	40	15	13	2	20	18	2	5	5	-	3	3	-	
7	UBND huyện Đồng Hỷ	1	8	397	3	150	3	148	2	99	15	13	2	25	18	7	10	5	5	6	3	3	
8	UBND huyện Định Hóa	1	15	582	5	228	5	214	5	140	14	14	-	42	34	8	28	20	8	15	13	2	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	32	930	40.164	315	13.814	313	13.583	302	12.767	1.983	1.834	149	2.399	2.128	271	416	294	122	291	206	85	



BIỂU SỐ 5

BIỂU TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ GIAO SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022  
CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026



(Kèm theo Tờ trình số: 187 /TTr-UBND ngày 18 /6/2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Cấp học	Số biên chế giáo viên, nhân viên được giao năm 2025	Số biên chế tính theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo			Số biên chế còn thiếu theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo			Số lượng hợp đồng lao động đề nghị giao theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm học 2025 - 2026			Dự kiến kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm học 2025 - 2026		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên
1	2	3				5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG SỐ		18.608	23.848	19.931	3.917	5.240	3.245	1.995	3.612	2.250	1.362	327.863.395.278	229.749.111.671	98.114.283.607
1	Mầm non	5.614	7.039	6.303	736	1.425	1.135	290	981	784	197	90.356.929.920	78.930.048.551	11.426.881.369
2	Tiểu học	6.169	7.555	6.168	1.387	1.386	646	740	952	449	503	86.716.852.540	49.196.460.454	37.520.392.086
3	Trung học cơ sở	4.687	6.550	5.059	1.491	1.863	1.042	821	1.294	727	567	120.487.953.753	76.964.171.373	43.523.782.380
4	Trung học phổ thông	2.138	2.704	2.401	303	566	422	144	385	290	95	30.301.659.065	24.658.431.293	5.643.227.772

\* Ghi chú: Dự kiến kinh phí 01 hợp đồng = hệ số lương (giáo viên bậc học mầm non: 2,1; bậc học tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông: 2,34; nhân viên: 2,1) \* 2.340.000đ + ưu đãi nghề (nếu có) + % bảo hiểm và kinh phí công đoàn (tính trên 12 tháng).

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026 của tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ ... (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;*

*Thực hiện Kết luận số ...-KL/TU ngày tháng năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương giao số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2025 - 2026 của tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét Tờ trình số ../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2025 - 2026 của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026 của tỉnh Thái Nguyên là **3.612** hợp đồng lao động, trong đó:

- Cấp học Mầm non: 981 hợp đồng lao động.
- Cấp học Tiểu học: 952 hợp đồng lao động.
- Cấp học Trung học cơ sở: 1.294 hợp đồng lao động.
- Cấp học Trung học phổ thông: 385 hợp đồng lao động.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ ... (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH****Phạm Hoàng Sơn**